



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3322.1912>

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở PHƯỜNG GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Phan Tấn Lợi^{1*} và Phạm Thị Thùy Trang²

¹Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Trường Đại học Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: phanloithcsbaudon@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 08/4/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 05/5/2026; Ngày duyệt đăng: 08/5/2026

Tóm tắt

Bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hình thành từ sự phát triển vượt bậc của công nghệ kỹ thuật số, internet và trí tuệ nhân tạo trong thế kỷ 21, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục là yêu cầu tất yếu nhằm đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục. Tại Việt Nam, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh việc phát triển phẩm chất, năng lực người học gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục là yêu cầu cấp thiết. Thực tiễn tại các trường trung học cơ sở ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh cho thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin đã đạt được một số kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế như triển khai chưa đồng bộ, năng lực ứng dụng của giáo viên chưa đồng đều và công tác quản lý còn chưa đồng bộ, chưa có định hướng chiến lược. Nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhằm nâng cao hiệu quả triển khai. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dạy học, quản lý giáo dục, trung học cơ sở.

Trích dẫn: Phan, T. L., & Phạm, T. T. T. (2026). Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các trường trung học cơ sở ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(02S), 106-121. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3322.1912>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

MANAGEMENT OF APPLYING INFORMATION TECHNOLOGY IN TEACHING AT LOWER SECONDARY SCHOOLS IN GO DAU WARD, TAY NINH PROVINCE

Phan Tan Loi^{1*} and Pham Thi Thuy Trang²

¹*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Dong Nai University, Dong Nai Province, Vietnam*

**Corresponding author, Email: phanloithcsbaudon@gmail.com*

Article history

Received: 08/4/2026; Received in revised form: 05/5/2026; Accepted: 08/5/2026

Abstract

Under the Fourth Industrial Revolution, driven by remarkable advances in digital technology, the Internet, and artificial intelligence in the twenty-first century, information technology applied in education has become an inevitable requirement for innovating teaching methods and improving educational quality. In Vietnam, the 2018 General Education Program emphasizes the development of learners' qualities and competencies in association with the promotion of information technology application in teaching and educational management as an urgent necessity. The reality in lower secondary schools in Go Dau Ward, Tay Ninh Province, shows that information technology applied has achieved certain positive results; however, several limitations remain, such as uneven implementation, disparities in teachers' technological application capacity, and management practices that are still fragmented and lack strategic orientation. This study analyzes the current situation and proposing management measures for information technology application in teaching in order to enhance implementation effectiveness. The findings contribute to providing both scientific and practical foundations for promoting digital transformation in education, thereby meeting the demands of educational innovation and international integration.

Keywords: *Educational management, digital transformation, information technology, lower secondary schools, teaching.*

1. Giới thiệu

Thế kỷ XXI được coi là kỷ nguyên của công nghệ thông tin (CNTT) và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những thành tựu nổi bật như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kết nối vạn vật, thực tế ảo... CNTT đã và đang trở thành công cụ không thể thiếu, tác động mạnh mẽ, làm thay đổi cách con người sống, làm việc, học tập, tư duy và ra quyết định. Trong đó, giáo dục là một trong những ngành chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất. Để đáp ứng yêu cầu của nền tri thức, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, ngành giáo dục Việt Nam thực hiện đổi mới căn bản toàn diện, thời gian qua đã ban hành các văn bản đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào hoạt động giảng dạy, cụ thể Ban Chấp hành Trung ương (2014): *Nghị quyết 36-NQ/TW về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT* và Bộ Giáo dục và đào tạo (2018): *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* đều nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, và đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy và học. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và đề án như: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017): *Kế hoạch 345/KH-BGDĐT thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ dạy học* và Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024): *Công văn số 4324/BGDĐT-CNTT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục học năm học 2024 - 2025* nhằm tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, hướng tới một xã hội học tập.

Chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018 với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học đòi hỏi sự đổi mới căn bản về phương pháp dạy học. Ứng dụng CNTT đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Nghiên cứu về quản lý hoạt động ứng dụng CNTT là cấp thiết để đảm bảo việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Ứng dụng và quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học trở thành yêu cầu cấp thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thay đổi phương thức dạy - học, thúc đẩy hội nhập quốc tế (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Về phương diện lý luận và thực tiễn, nhiều công trình đã đề cập đến quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học bao gồm: Bài báo của Nguyễn và Phạm (2024) tập trung nghiên cứu về thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường trung học cơ sở (THCS) thuộc huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, việc ứng dụng CNTT là tất yếu để nâng cao chất lượng giáo dục, thành công của hoạt động này phụ thuộc vào sự chỉ đạo sát sao của Hiệu trưởng, sự đầu tư đúng mức về hạ tầng và nỗ lực tự bồi dưỡng kỹ năng của đội ngũ giáo viên (GV); Luận án Quản lý giáo dục của Trần (2021) tập trung nghiên cứu sâu về thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Hải Dương, luận án khẳng định quản lý ứng dụng CNTT là nhiệm vụ cấp bách, thành công đòi hỏi sự thay đổi quyết liệt từ tư duy quản lý của hiệu trưởng đến việc bồi dưỡng thực chất cho đội ngũ GV; Bài báo của Lê (2024) nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang nghiên cứu khẳng định việc quản lý ứng dụng CNTT tại huyện Tân Phú Đông đã đạt được những kết quả bước đầu nhưng cần cải thiện mạnh mẽ tính cụ thể trong kế hoạch, tăng cường nguồn lực tài chính và hoàn thiện khâu kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả thực chất; Bài báo của Nguyễn và Lê (2023) về các biện pháp quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường trung học phổ thông ở thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La để việc ứng dụng CNTT đạt hiệu quả thực chất, các trường cần triển khai đồng bộ các biện pháp, trong đó nhấn mạnh việc cụ thể hóa các cơ chế quản lý và tiêu chí đánh giá; Nghiên cứu của Nguyễn và Lâm (2024) tập trung phân tích

thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường trung học phổ thông ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nghiên cứu khẳng định CNTT là công cụ không thể thiếu trong "Giáo dục 4.0", để thành công, nhà trường cần gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng công nghệ với công tác thi đua, khen thưởng và bồi dưỡng đội ngũ thường xuyên; Nghiên cứu của Trần và Đào (2024) tập trung phân tích thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS thuộc thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nghiên cứu khẳng định quản lý ứng dụng CNTT là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng giáo dục trong bối cảnh hiện nay, kết quả khảo sát thực tế này là cơ sở quan trọng để các nhà quản lý giáo dục địa phương đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp. Ngoài ra còn có một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài cung cấp thêm nhiều bài học kinh nghiệm trong việc quản lý ứng dụng CNTT dạy học như Zheng (2023) trong một nghiên cứu mang tính đổi mới về sự tích hợp giữa CNTT và nội dung giảng dạy đã đề xuất các chiến lược như thay đổi triết lý và văn hóa dạy học trong nhà trường. Tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng tài nguyên giáo dục số dùng chung và sử dụng phân tích dữ liệu để đánh giá chính xác nhu cầu học tập của học sinh, từ đó tối ưu hóa hiệu quả dạy học. Và Hasin và Nasir (2021) đã khảo sát hiệu quả của việc sử dụng CNTT tại các trường THCS vùng nông thôn Malaysia và nhận thấy đa số GV, học sinh có thái độ tích cực đối với công nghệ. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những rào cản lớn về thiếu hụt hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng chuyên môn, từ đó khuyến nghị các cơ quan quản lý cần ưu tiên đào tạo kỹ năng CNTT cho GV trước khi triển khai các chính sách giáo dục mới

Việc nghiên cứu quản lý ứng dụng CNTT trong giáo dục đã được nhiều nhà khoa học quan tâm, nhưng chưa được đề cập thực hiện tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu “Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh” để đề ra các biện pháp là cần thiết và có ý nghĩa khoa học, thực tiễn sâu sắc, bảo đảm việc ứng dụng CNTT được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiệu quả nhằm đổi mới giáo dục phổ thông trên địa bàn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của các kết luận khoa học, nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp định lượng, sử dụng công cụ khảo sát bằng bảng hỏi. Dữ liệu thu thập từ người tham gia khảo sát được tổng hợp và xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả nhằm phản ánh thực trạng của vấn đề nghiên cứu.

Trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu tiến hành rút ra các kết luận và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học.

Nghiên cứu tập trung đánh giá thực trạng quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường trung học cơ sở, gắn với quá trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn để đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và quản lý giáo dục tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Khách thể, đối tượng và mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS. Mẫu nghiên cứu gồm 92 người, bao gồm 21 cán bộ quản lý (CBQL) và 71 GV đang công tác tại ba trường THCS trên địa bàn phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (THCS Lê Văn Thới, THCS Thanh Phước và THCS Gia Bình). Thời gian điều tra, khảo sát: Tiến hành 1 đợt trong tháng 12 năm 2025. Mẫu được lựa chọn nhằm đảm bảo tính đại diện cho các lực lượng trực tiếp tham gia tổ chức và triển khai hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

2.2. Phương pháp và công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với công cụ chính là bảng hỏi, kết hợp với nghiên cứu tài liệu và phỏng vấn bán cấu trúc.

Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ nhằm khảo sát thực trạng và mức độ hiệu quả của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học cũng như công tác quản lý. Bên cạnh đó, các cuộc phỏng vấn được thực hiện với một số CBQL và GV nhằm bổ sung, kiểm chứng và làm rõ các kết quả thu được từ bảng hỏi.

Bảng 1. Quy ước thang đo Likert 5 mức độ trong nghiên cứu

Điểm số	Mức độ phù hợp	Mức độ ảnh hưởng	Mức độ quan trọng	Mức độ cần thiết	Kết quả thực hiện
1	Rất không đồng ý	Hoàn toàn không ảnh hưởng	Không quan trọng	Hoàn toàn không cần thiết	Rất thấp
2	Không đồng ý	Không ảnh hưởng	Ít quan trọng	Không cần thiết	Thấp
3	Phân vân/ Trung lập	Tương đối ảnh hưởng	Phân vân	Tương đối cần thiết	Trung bình
4	Đồng ý	Ảnh hưởng	Quan trọng	Cần thiết	Khá
5	Rất đồng ý	Rất ảnh hưởng	Rất quan trọng	Rất cần thiết	Tốt

2.3. Quy trình xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả: Tính điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) ký hiệu là SD được dùng để đánh giá mức độ thực hiện và phân tán dữ liệu: $\bar{X} = \frac{\sum_{k=1}^n a_k x_k}{N}$; $SD = \sqrt{\frac{\sum f_i (x_i - \bar{X})^2}{n-1}}$. Kết quả phân tích là cơ sở để đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học.

Trong đó: x_i là giá trị điểm số của từng phương án lựa chọn (từ 1 đến 5); f_i là tần số lựa chọn của từng phương án; n là tổng số người tham gia khảo sát.

Các phép tính thống kê được thực hiện bằng phần mềm Microsoft Excel 365, sử dụng các hàm tính trung bình (AVERAGE) và độ lệch chuẩn (STDEV) để đảm bảo độ chính xác và khả năng tái lập kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các trường trung học cơ sở ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

3.1.1. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng kế hoạch bài dạy của giáo viên trung học cơ sở phường Gò Dầu tỉnh Tây Ninh

Bảng 2. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng kế hoạch bài dạy của giáo viên trung học cơ sở ở phường Gò Dầu tỉnh Tây Ninh

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Lập kế hoạch ứng dụng CNTT để thiết kế dạy học (Xác định các mục tiêu cần đạt như: thiết kế kế hoạch bài dạy, thiết kế các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh...)	3,90	0,54	3,93	0,86

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
2	Tổ chức ứng dụng CNTT để thiết kế dạy học (phân phối và sắp xếp nguồn lực, hiện thực hóa các mục tiêu đã lập...)	3,90	0,54	3,90	0,88
3	Chỉ đạo ứng dụng CNTT để thiết kế dạy học (Thực hiện quyền chỉ huy, điều hành và hướng dẫn triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học)	3,95	0,50	4,01	0,82
4	Kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT để thiết kế dạy học (xem xét thực tiễn để đưa ra các quyết định điều chỉnh kịp thời)	3,90	0,54	3,92	0,80

Bảng 2 cho thấy thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT để xây dựng kế hoạch bài dạy của GV THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được đánh giá ở mức khá tốt. ĐTB theo đánh giá của CBQL dao động từ 3,90 đến 3,95, trong khi theo GV dao động từ 3,90 đến 4,01. Điều này cho thấy công tác quản lý việc ứng dụng CNTT trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy đã được nhà trường quan tâm và triển khai tương đối hiệu quả.

Trong các nội dung khảo sát, tiêu chí chỉ đạo ứng dụng CNTT để thiết kế dạy học được đánh giá cao nhất (ĐTB của CBQL 3,95, GV 4,01). Kết quả này cho thấy ban giám hiệu các nhà trường đã có sự quan tâm chỉ đạo và hướng dẫn GV trong việc triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT vào quá trình thiết kế bài dạy. Sự chỉ đạo này góp phần giúp GV định hướng rõ ràng hơn trong việc sử dụng CNTT nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động dạy học.

Các nội dung như lập kế hoạch ứng dụng CNTT để thiết kế dạy học, tổ chức ứng dụng CNTT để thiết kế dạy học và kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong thiết kế dạy học đều có ĐTB xấp xỉ 3,90 ở cả hai nhóm đối tượng khảo sát. Điều này cho thấy các khâu cơ bản trong quá trình quản lý hoạt động ứng dụng CNTT, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá, đã được thực hiện tương đối đồng bộ trong các nhà trường.

Tuy nhiên, mức ĐTB của các tiêu chí vẫn chưa đạt mức rất cao, cho thấy công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong thiết kế bài dạy vẫn còn một số hạn chế nhất định. Việc lập kế hoạch và tổ chức triển khai ứng dụng CNTT trong dạy học ở một số trường có thể chưa thật sự chi tiết hoặc chưa gắn chặt với nhu cầu thực tiễn của GV. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học có thể chưa được tiến hành thường xuyên và sâu sát.

Ngoài ra, ĐLC của các tiêu chí dao động từ khoảng 0,50 đến 0,88, cho thấy mức độ phân tán ý kiến của các đối tượng khảo sát không lớn và các đánh giá có xu hướng tương đối thống nhất. Điều này phản ánh rằng nhận thức của CBQL và GV về công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong xây dựng kế hoạch bài dạy có sự tương đồng nhất định.

Nhìn chung, công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy của GV tại các trường THCS ở phường Gò Dầu đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả quản lý, các nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện quy trình lập kế hoạch, tăng cường công tác chỉ đạo, hỗ trợ chuyên môn cho GV và nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong thiết kế bài dạy, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

3.1.2. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học ở trường trung học cơ sở

Bảng 3. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học ở trường trung học cơ sở ở phường Gò Dầu tỉnh Tây Ninh

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong quá trình dạy học ở trường	4,05	0,59	3,83	0,90
2	Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học ở tổ bộ môn.	4,00	0,55	3,82	0,90
3	Tổ chức xây dựng những quy định và yêu cầu riêng cho kế hoạch bài dạy dạy học tích cực có ứng dụng CNTT.	3,95	0,60	3,86	0,86
4	Tổ chức xây dựng và phổ biến chuẩn đánh giá đối với giờ dạy có ứng dụng CNTT	4,00	0,55	3,83	0,88
5	Tổ chức hội giảng, hội thảo, chuyên đề “ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học”	4,00	0,55	3,85	0,87
6	Tổ chức hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra về ứng dụng CNTT trong quá trình dạy học	3,95	0,60	3,79	0,89
7	Chỉ đạo GV hướng dẫn học sinh ứng dụng CNTT trong học tập và tự học	4,00	0,55	3,86	0,87
8	Chỉ đạo GV bộ môn tích cực sử dụng các phần mềm hỗ trợ cho việc xây dựng kế hoạch bài dạy, hỗ trợ quá trình giảng dạy	4,00	0,55	3,82	0,90
9	Chỉ đạo sử dụng hiệu quả ứng dụng CNTT trong quá trình dạy học	4,00	0,55	3,82	0,90
10	Kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong quá trình dạy học, Động viên, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong việc ứng dụng CNTT trong dạy học	3,90	0,62	3,83	0,84

Bảng 3 cho thấy công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong tổ chức dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được đánh giá ở mức khá tốt. ĐTB theo đánh giá của CBQL dao động từ 3,90 đến 4,05, trong khi theo GV dao động từ 3,79 đến 3,86. Điều này cho thấy các nhà trường đã có sự quan tâm và triển khai các hoạt động quản lý nhằm thúc đẩy việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

Trong các nội dung khảo sát, tiêu chí xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong quá trình dạy học ở trường được đánh giá cao nhất theo CBQL (ĐTB = 4,05), cho thấy các nhà trường đã chú trọng việc xây dựng kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học. Việc lập kế hoạch cụ thể giúp định hướng rõ ràng cho GV trong việc tích hợp CNTT vào quá trình tổ chức dạy học, đồng thời tạo cơ sở để triển khai các hoạt động chuyên môn liên quan đến đổi mới phương pháp giảng dạy.

Các nội dung như xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT ở tổ bộ môn, tổ chức xây dựng chuẩn đánh giá giờ dạy có ứng dụng CNTT, tổ chức hội giảng, hội thảo, chuyên đề về ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học và chỉ đạo GV sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy đều đạt ĐTB khoảng 4,00 theo đánh giá của CBQL. Điều này cho thấy công tác quản lý không chỉ dừng lại ở việc lập kế hoạch mà còn được triển khai thông qua nhiều hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho GV.

Tuy nhiên, theo đánh giá của GV, một số nội dung có ĐTB thấp hơn như tổ chức hiện thực hóa các mục tiêu ứng dụng CNTT trong quá trình dạy học (ĐTB = 3,79). Điều này cho thấy trong quá trình triển khai thực hiện, vẫn còn một số khó khăn nhất định khiến việc ứng dụng CNTT chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Những khó khăn này có thể liên quan đến điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) thời gian chuẩn bị bài giảng, hoặc mức độ thành thạo CNTT của GV.

Ngoài ra, hoạt động kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong dạy học và động viên, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích tốt đạt mức ĐTB 3,90 theo CBQL và 3,83 theo GV. Điều này cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá đã được thực hiện nhưng chưa thật sự nổi bật, cần được tăng cường hơn nhằm tạo động lực cho GV tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học.

ĐLC của các tiêu chí dao động từ khoảng 0,55 đến 0,90, cho thấy mức độ phân tán ý kiến của các đối tượng khảo sát không lớn và các đánh giá có xu hướng tương đối thống nhất. Nhìn chung, công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong tổ chức dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu đã đạt được những kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục hoàn thiện các biện pháp quản lý, đặc biệt là trong việc tăng cường kiểm tra, hỗ trợ chuyên môn và tạo điều kiện thuận lợi để GV triển khai hiệu quả các hoạt động dạy học có ứng dụng CNTT.

3.1.3. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh trung học cơ sở

Bảng 4. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh trung học cơ sở ở phường Gò Dầu tỉnh Tây Ninh

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch trong việc quản lý chuyên môn, quản lý nhân sự, quản lý CSVC, thiết bị dạy học để hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh	3,81	0,51	3,76	0,89
2	Tổ chức thực hiện việc đầu tư CSVC, thiết bị dạy học để hỗ trợ và khuyến khích học tập học	3,67	0,66	3,70	0,89
3	Tổ chức sử dụng có hiệu quả CSVC, thiết bị CNTT nhằm hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh	3,76	0,62	3,76	0,87
4	Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ ứng dụng CNTT trong dạy học cho GV, tạo động lực để khuyến khích học tập cho học sinh	3,76	0,62	3,76	0,83
5	Chỉ đạo thực hiện việc bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng CNTT trong dạy học cho GV, từ đó sẽ hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh	3,86	0,49	3,76	0,83
6	Chỉ đạo việc xây dựng các quy định, quy trình về	3,81	0,51	3,72	0,86

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
	bảo quản CSVC, thiết bị CNTT				
7	Chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng CNTT để hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh	3,86	0,49	3,77	0,88
8	Kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT để hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh	3,81	0,51	3,73	0,87
9	Kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong quản lý nhân sự, góp phần hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh	3,86	0,49	3,77	0,86
10	Động viên, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý để hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh	3,81	0,51	3,79	0,88

Bảng 4 cho thấy thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT nhằm hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được đánh giá ở mức khá. ĐTB theo đánh giá của CBQL dao động từ 3,67 đến 3,86, trong khi theo GV dao động từ 3,70 đến 3,79. Điều này cho thấy các nhà trường đã có sự quan tâm nhất định đến việc quản lý và tổ chức các hoạt động ứng dụng CNTT nhằm hỗ trợ quá trình học tập của học sinh.

Trong các nội dung khảo sát, tiêu chí chỉ đạo bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho GV và chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng CNTT để hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh đạt mức ĐTB cao nhất theo đánh giá của CBQL (ĐTB = 3,86). Điều này cho thấy ban giám hiệu các nhà trường đã chú trọng đến việc nâng cao năng lực ứng dụng CNTT của GV, coi đây là yếu tố quan trọng để thúc đẩy việc sử dụng CNTT trong dạy học và tạo động lực học tập cho học sinh.

Bên cạnh đó, các hoạt động như xây dựng kế hoạch quản lý chuyên môn, nhân sự, CSVC và thiết bị dạy học, tổ chức sử dụng hiệu quả CSVC và thiết bị CNTT, cũng như kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong hỗ trợ học tập đều đạt ĐTB khoảng 3,76 đến 3,81. Điều này cho thấy công tác quản lý đã được triển khai khá đồng bộ ở nhiều khâu khác nhau, từ việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đến kiểm tra và đánh giá.

Tuy nhiên, tiêu chí tổ chức thực hiện việc đầu tư CSVC và thiết bị dạy học để hỗ trợ và khuyến khích học tập có ĐTB thấp nhất theo đánh giá của CBQL (ĐTB = 3,67). Điều này cho thấy việc đầu tư và bổ sung CSVC phục vụ cho hoạt động ứng dụng CNTT trong học tập vẫn còn một số hạn chế nhất định, có thể do nguồn kinh phí hoặc điều kiện thực tế của nhà trường.

Ngoài ra, ĐLC của các tiêu chí dao động từ khoảng 0,49 đến 0,89, cho thấy mức độ phân tán ý kiến của các đối tượng khảo sát không lớn và các đánh giá có xu hướng tương đối thống nhất. Nhìn chung, công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT nhằm hỗ trợ và khuyến khích học tập cho học sinh tại các trường THCS ở phường Gò Dầu đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, các nhà trường cần tiếp tục tăng cường đầu tư CSVC, nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho GV, đồng thời hoàn thiện các cơ chế khuyến khích và hỗ trợ học sinh học tập thông qua môi trường công nghệ số.

3.1.4. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên trường trung học cơ sở trong việc khai thác các tiện ích trên mạng Internet

Bảng 5. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên trường trung học cơ sở trong việc khai thác các tiện ích trên mạng Internet ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Lập kế hoạch ứng dụng CNTT để khai thác các tiện ích trên mạng	3,71	0,64	3,77	0,89
2	Tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT để khai thác các tiện ích trên mạng	3,67	0,73	3,77	0,89
3	Chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng CNTT để khai thác các tiện ích trên mạng	3,71	0,73	3,77	0,85
4	Xây dựng Website riêng, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ dạy và học	3,67	0,66	3,69	0,93
5	Công tác kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT để khai thác các tiện ích trên mạng	3,76	0,62	3,69	0,91
6	Công tác thi đua khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong việc ứng dụng CNTT để khai thác các tiện ích trên mạng	3,71	0,64	3,73	0,88
7	Phát triển năng lực số, năng lực sử dụng AI cho CBQL và GV	3,71	0,64	3,70	0,90

Bảng 5 cho thấy thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT của GV trong việc khai thác các tiện ích trên mạng Internet tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được đánh giá ở mức khá. ĐTB theo đánh giá của CBQL dao động từ 3,67 đến 3,76, trong khi theo GV dao động từ 3,69 đến 3,77. Điều này cho thấy việc khai thác các tiện ích trên mạng Internet phục vụ cho hoạt động dạy học đã được các nhà trường quan tâm triển khai, tuy nhiên mức độ hiệu quả vẫn còn ở mức trung bình khá.

Trong các nội dung khảo sát, tiêu chí công tác kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT để khai thác các tiện ích trên mạng được CBQL đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,76). Điều này cho thấy hoạt động kiểm tra, giám sát việc ứng dụng CNTT trong khai thác các nguồn tài nguyên trực tuyến đã được các nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo việc sử dụng CNTT trong dạy học được thực hiện đúng định hướng và đạt hiệu quả.

Bên cạnh đó, các hoạt động như lập kế hoạch ứng dụng CNTT để khai thác các tiện ích trên mạng, tổ chức thực hiện, chỉ đạo triển khai và thi đua khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích tốt đều đạt mức ĐTB từ khoảng 3,67 đến 3,71 theo đánh giá của CBQL. Điều này cho thấy công tác quản lý đã được triển khai tương đối đầy đủ theo các chức năng quản lý cơ bản như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá.

Tuy nhiên, tiêu chí xây dựng website riêng và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ dạy và học có ĐTB thấp nhất (ĐTB của CBQL 3,67, GV 3,69). Điều này cho thấy việc phát triển các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động dạy học vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc thiếu nguồn nhân lực chuyên môn về công nghệ, hạn chế về cơ sở hạ tầng hoặc chưa có cơ chế khuyến khích mạnh mẽ đối với việc xây dựng các hệ thống dữ liệu số trong nhà trường.

Ngoài ra, tiêu chí phát triển năng lực số và năng lực sử dụng AI cho CBQL và GV đạt mức ĐTB khoảng 3,70-3,71, cho thấy việc nâng cao năng lực công nghệ mới cho đội ngũ GV

và CBQL đã được quan tâm nhưng chưa thực sự nổi bật. Trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay, việc nâng cao năng lực số và khả năng sử dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học.

ĐLC của các tiêu chí dao động từ khoảng 0,62 đến 0,93, cho thấy mức độ phân tán ý kiến của các đối tượng khảo sát không quá lớn và các đánh giá có xu hướng tương đối thống nhất. Nhìn chung, công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong việc khai thác các tiện ích trên mạng Internet tại các trường THCS ở phường Gò Dầu đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả trong thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, phát triển hệ thống dữ liệu số, đồng thời đẩy mạnh bồi dưỡng năng lực số và kỹ năng khai thác tài nguyên trực tuyến cho đội ngũ GV và CBQL.

3.1.5. *Thực trạng quản lý cơ sở vật chất đảm bảo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*

Bảng 6. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất đảm bảo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo xây dựng CSVC, thiết bị về CNTT đáp ứng yêu cầu nhà trường	3,71	0,64	3,70	0,86
2	Đầu tư, trang bị các phần mềm phục vụ hoạt động dạy học	3,52	0,75	3,63	0,86
3	Chỉ đạo việc đảm bảo các tài liệu, sách, dữ liệu về CNTT	3,67	0,66	3,69	0,84
4	Chỉ đạo việc sử dụng có hiệu quả CSVC, thiết bị CNTT	3,81	0,51	3,75	0,82
5	Xây dựng các quy định, quy trình về bảo quản CSVC, thiết bị CNTT	3,62	0,59	3,75	0,84
6	Xây dựng chính sách tạo điều kiện cho GV tự trang bị máy tính, thiết bị CNTT, tự làm ra sản phẩm CNTT phục vụ cho dạy học	3,62	0,59	3,72	0,87
7	Tổ chức các phong trào thi đua về sử dụng thiết bị CNTT, ứng dụng CNTT trong dạy học	3,71	0,64	3,72	0,85
8	Đưa việc sử dụng, bảo quản CSVC, thiết bị CNTT vào các tiêu chí thi đua của nhà trường	3,81	0,60	3,79	0,83

Bảng 6 cho thấy thực trạng quản lý CSVC đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được đánh giá ở mức khá. ĐTB theo đánh giá của CBQL dao động từ 3,52 đến 3,81, trong khi theo GV dao động từ 3,63 đến 3,79. Điều này cho thấy các nhà trường đã có sự quan tâm đến việc quản lý và khai thác CSVC phục vụ cho hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

Trong các nội dung khảo sát, tiêu chí chỉ đạo sử dụng có hiệu quả CSVC và thiết bị CNTT và đưa việc sử dụng, bảo quản thiết bị CNTT vào tiêu chí thi đua của nhà trường được đánh giá tương đối cao theo CBQL (ĐTB = 3,81). Điều này cho thấy ban giám hiệu các nhà trường đã quan tâm đến việc khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết bị CNTT đã được trang bị, đồng thời gắn việc sử dụng thiết bị công nghệ với các tiêu chí thi đua nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của GV trong việc sử dụng và bảo quản CSVC.

Bên cạnh đó, các nội dung như chỉ đạo xây dựng CSVC, thiết bị CNTT, đảm bảo tài liệu và dữ liệu CNTT phục vụ dạy học, cũng như tổ chức các phong trào thi đua về ứng dụng CNTT trong dạy học đều đạt ĐTB từ khoảng 3,67 đến 3,71. Điều này cho thấy công tác quản lý CSVC đã được triển khai ở nhiều khía cạnh khác nhau nhằm hỗ trợ việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

Tuy nhiên, tiêu chí đầu tư và trang bị các phần mềm phục vụ hoạt động dạy học có ĐTB thấp nhất (ĐTB của CBQL 3,52, GV 3,63). Kết quả này cho thấy việc đầu tư và cập nhật các phần mềm dạy học vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tế của GV. Điều này có thể do nguồn kinh phí còn hạn chế hoặc do chưa có kế hoạch đầu tư dài hạn cho các phần mềm phục vụ dạy học.

Ngoài ra, tiêu chí xây dựng chính sách tạo điều kiện cho GV tự trang bị thiết bị CNTT và phát triển sản phẩm CNTT phục vụ dạy học cũng chỉ đạt mức trung bình khá. Điều này cho thấy các cơ chế hỗ trợ và khuyến khích GV chủ động ứng dụng CNTT trong dạy học vẫn chưa thật sự mạnh mẽ.

DLC của các tiêu chí dao động từ khoảng 0,51 đến 0,87, cho thấy mức độ phân tán ý kiến của các đối tượng khảo sát không lớn và các đánh giá có xu hướng tương đối thống nhất. Nhìn chung, công tác quản lý CSVC phục vụ cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả trong thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, bổ sung các phần mềm dạy học, đồng thời xây dựng các chính sách hỗ trợ và khuyến khích GV chủ động khai thác và phát triển các sản phẩm CNTT phục vụ cho hoạt động dạy học.

3.1.6. Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học cơ sở ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Bảng 7. Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học cơ sở ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chính sách, chủ trương của đảng, nhà nước, ngành	4,18	0,42	4,05	0,95
2	Điều kiện CSVC đáp ứng yêu cầu của việc ứng dụng CNTT tại trường	4,13	0,56	3,99	0,97
3	Nhận thức và thái độ của đội ngũ CBQL, GV về việc ứng dụng CNTT vào dạy học	4,20	0,50	3,91	1,04
4	Năng lực sử dụng CNTT của đội ngũ CBQL và GV (năng lực số)	4,12	0,49	3,94	0,99
5	Hiểu biết và ứng dụng CNTT của học sinh (năng lực số)	4,09	0,55	3,95	0,91
6	Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện việc ứng dụng CNTT vào dạy học của đội ngũ CBQL	4,06	0,52	3,92	0,97
7	Cách thức tiến hành kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT vào dạy học	4,11	0,61	3,97	0,90
8	Phát động các phong trào thi đua ứng dụng CNTT vào dạy học tại trường	4,07	0,58	3,94	0,96

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
9	Các hình thức động viên, khen thưởng đối với việc ứng dụng CNTT vào dạy học và quản lí	4,15	0,47	3,93	0,89

Bảng 7 cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến quản lí hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được đánh giá ở mức ảnh hưởng khá cao. ĐTB theo đánh giá của CBQL dao động từ 4,06 đến 4,20, trong khi theo đánh giá của GV dao động từ 3,91 đến 4,05. Điều này cho thấy đa số các yếu tố được khảo sát đều có tác động đáng kể đến quá trình quản lí và tổ chức thực hiện việc ứng dụng CNTT trong dạy học tại nhà trường. Đồng thời, ĐLC của các tiêu chí không quá lớn, cho thấy mức độ phân tán ý kiến của các đối tượng khảo sát tương đối thấp và các đánh giá có xu hướng khá thống nhất.

Trong các yếu tố được khảo sát, nhận thức và thái độ của đội ngũ CBQL, GV về việc ứng dụng CNTT vào dạy học được CBQL đánh giá có mức độ ảnh hưởng cao nhất với ĐTB = 4,20, ĐLC = 0,50. Kết quả này cho thấy nhận thức và thái độ tích cực của đội ngũ CBQL và GV đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học. Khi đội ngũ GV và CBQL có nhận thức đúng đắn về vai trò của CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học, họ sẽ chủ động hơn trong việc khai thác các công cụ công nghệ, áp dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy cũng như tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực số.

Bên cạnh đó, yếu tố chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục cũng được đánh giá có mức độ ảnh hưởng cao, với ĐTB = 4,18 theo đánh giá của CBQL và ĐTB = 4,05 theo đánh giá của GV. Điều này cho thấy các văn bản chỉ đạo, định hướng và chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc định hướng và thúc đẩy quá trình ứng dụng CNTT trong dạy học. Các chủ trương về chuyển đổi số trong giáo dục, phát triển hạ tầng CNTT và tăng cường sử dụng học liệu số đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà trường triển khai hiệu quả các hoạt động ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lí giáo dục.

Ngoài ra, các yếu tố như điều kiện CSVC đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT tại trường, năng lực sử dụng CNTT của đội ngũ CBQL và GV, và hiểu biết, khả năng ứng dụng CNTT của học sinh cũng được đánh giá có mức độ ảnh hưởng khá cao. Cụ thể, theo đánh giá của CBQL, ĐTB của các yếu tố này dao động từ 4,09 đến 4,13, trong khi theo đánh giá của GV dao động từ 3,94 đến 3,99. Điều này phản ánh rằng để việc ứng dụng CNTT trong dạy học đạt hiệu quả, không chỉ cần có sự quan tâm chỉ đạo từ cấp quản lí mà còn cần có sự đảm bảo về CSVC, trang thiết bị công nghệ cũng như năng lực sử dụng CNTT của cả GV và học sinh. Khi các điều kiện này được đáp ứng đầy đủ, việc triển khai các phương pháp dạy học có ứng dụng CNTT sẽ trở nên thuận lợi và hiệu quả hơn.

Bên cạnh những yếu tố trên, các nội dung liên quan đến công tác chỉ đạo và triển khai việc ứng dụng CNTT vào dạy học, cách thức tiến hành kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT, việc phát động các phong trào thi đua ứng dụng CNTT trong nhà trường và các hình thức động viên, khen thưởng đối với hoạt động ứng dụng CNTT cũng được đánh giá có mức độ ảnh hưởng đáng kể. ĐTB của các yếu tố này theo đánh giá của CBQL dao động từ 4,06 đến 4,15, còn theo đánh giá của GV dao động từ 3,92 đến 3,97. Điều này cho thấy vai trò của công tác quản lí trong việc tổ chức, chỉ đạo và khuyến khích GV ứng dụng CNTT trong dạy học là rất quan trọng. Khi nhà trường có cơ chế kiểm tra, đánh giá rõ ràng, đồng thời có các hình thức động viên, khen thưởng phù hợp, GV sẽ có thêm động lực để tích cực ứng dụng CNTT trong quá trình giảng dạy.

Xét về DLC, các giá trị dao động từ 0,42 đến 0,61 đối với CBQL và từ 0,89 đến 1,04 đối với GV. Điều này cho thấy mức độ phân tán ý kiến của CBQL tương đối thấp, thể hiện sự thống nhất khá cao trong nhận định về các yếu tố ảnh hưởng. Trong khi đó, ý kiến của GV có sự phân tán lớn hơn nhưng vẫn nằm trong mức chấp nhận được, phản ánh sự khác biệt nhất định trong trải nghiệm và mức độ tiếp cận với CNTT của từng GV.

Từ những kết quả trên có thể thấy rằng hoạt động quản lý việc ứng dụng CNTT trong dạy học chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, trong đó nổi bật là các yếu tố liên quan đến nhận thức của đội ngũ, chính sách của ngành giáo dục, điều kiện CSVC và năng lực sử dụng CNTT của GV. Do đó, để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, cần chú trọng nâng cao nhận thức và năng lực số cho đội ngũ GV, đồng thời tăng cường đầu tư CSVC, thiết bị công nghệ và hoàn thiện cơ chế quản lý, kiểm tra, đánh giá cũng như các chính sách khuyến khích GV tích cực ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học.

3.2. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học cơ sở ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Từ kết quả khảo sát cho thấy, công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT (trong dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được đánh giá ở mức khá, với ĐTB của các tiêu chí chủ yếu dao động từ 3,52 đến 4,20. Điều này phản ánh việc triển khai các chức năng quản lý cơ bản (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá) đã được thực hiện tương đối đồng bộ.

Trước hết, hoạt động lập kế hoạch và chỉ đạo ứng dụng CNTT trong dạy học được đánh giá tương đối cao, đặc biệt ở nội dung chỉ đạo triển khai kế hoạch và hướng dẫn GV thực hiện. Kết quả này cho thấy vai trò của đội ngũ CBQL trong định hướng và điều hành hoạt động ứng dụng CNTT đã được phát huy. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động chuyên môn như hội giảng, chuyên đề, xây dựng chuẩn đánh giá giờ dạy có ứng dụng CNTT cũng được triển khai, góp phần nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho GV.

Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện ở một số nội dung chưa cao, thể hiện qua ĐTB thấp hơn ở các tiêu chí liên quan đến tổ chức thực hiện kế hoạch, đầu tư CSVC, xây dựng hệ thống dữ liệu và ứng dụng CNTT trong khai thác tài nguyên Internet. Điều này cho thấy còn tồn tại khoảng cách giữa khâu lập kế hoạch và triển khai thực tế.

Công tác kiểm tra, đánh giá và cơ chế thi đua, khen thưởng tuy đã được thực hiện nhưng chưa thực sự nổi bật, chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho GV. Đồng thời, việc đầu tư CSVC, phần mềm dạy học và phát triển hệ thống dữ liệu số còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của hoạt động dạy học trong bối cảnh chuyển đổi số.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động ứng dụng CNTT có mức tác động tương đối cao, trong đó nổi bật là nhận thức và thái độ của đội ngũ CBQL, GV; chính sách của ngành giáo dục; điều kiện CSVC và năng lực số của các chủ thể tham gia. Điều này khẳng định tính đa chiều và phụ thuộc lẫn nhau của các yếu tố trong quá trình quản lý hoạt động ứng dụng CNTT.

Nhìn chung, công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu đã có nền tảng nhất định, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

3.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của giáo viên tại các trường trung học cơ sở ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu thực trạng, các biện pháp quản lý được đề xuất như sau:

- *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức và năng lực số cho đội ngũ CBQL và GV. Cần tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của CNTT trong dạy học, đồng thời phát triển năng lực số, đặc biệt là khả năng sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến và công nghệ mới.

- *Thứ hai*, hoàn thiện công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học. Kế hoạch cần được xây dựng theo hướng cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và nhu cầu của GV; đảm bảo xác định rõ mục tiêu, nội dung, tiến độ và tiêu chí đánh giá.

- *Thứ ba*, tăng cường tổ chức và chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT trong dạy học. Đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học có ứng dụng CNTT; tổ chức hội giảng, chuyên đề; đồng thời tăng cường vai trò hỗ trợ của CBQL trong quá trình triển khai.

- *Thứ tư*, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá cụ thể, tăng cường kiểm tra thường xuyên, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá kết quả; gắn với công tác thi đua, khen thưởng.

- *Thứ năm*, tăng cường đầu tư CSVC và hạ tầng công nghệ. Ưu tiên đầu tư trang thiết bị CNTT (máy tính, máy chiếu, bảng tương tác), phần mềm dạy học và học liệu số; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và nền tảng số phục vụ dạy học và quản lí. Cụ thể: Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng kế hoạch đầu tư theo lộ trình 2-3 năm; các trường rà soát hiện trạng và đề xuất nhu cầu hằng năm. Nguồn kinh phí huy động từ ngân sách nhà nước kết hợp xã hội hóa giáo dục. Việc triển khai thực hiện theo thứ tự ưu tiên (các trường còn thiếu thiết bị, vùng khó khăn trước). Dự kiến hiệu quả: nâng cao khả năng tiếp cận CNTT trong dạy học, tăng tần suất sử dụng thiết bị và cải thiện chất lượng bài giảng.

- *Thứ sáu*, xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ GV. Ban hành các chính sách khuyến khích GV chủ động ứng dụng CNTT, hỗ trợ phát triển sản phẩm số; đồng thời khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích. Cụ thể: Nhà trường xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng CNTT gắn với thi đua, khen thưởng; tổ chức các cuộc thi thiết kế bài giảng số; hỗ trợ kinh phí hoặc giảm định mức giờ dạy cho GV tham gia phát triển học liệu số. Đồng thời, phát triển môi trường học tập số cho học sinh thông qua việc hướng dẫn khai thác tài nguyên học tập trực tuyến, sử dụng nền tảng học tập số của nhà trường. Giáo viên bộ môn và GV chủ nhiệm chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi. Nguồn lực thực hiện gồm: đội ngũ GV cốt cán về CNTT, hệ thống nền tảng số và kinh phí hỗ trợ từ nhà trường. Dự kiến hiệu quả: nâng cao năng lực số của GV và học sinh, tăng mức độ ứng dụng CNTT trong dạy học và hình thành môi trường học tập số trong nhà trường.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã cho thấy công tác quản lí hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS ở phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đạt mức khá và đã được triển khai trên nhiều phương diện. Các chức năng quản lí cơ bản được thực hiện tương đối đầy đủ, góp phần thúc đẩy việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

Tuy nhiên, hiệu quả triển khai chưa đồng đều, còn tồn tại những hạn chế về cơ sở hạ tầng, nguồn lực, năng lực số của đội ngũ và cơ chế kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó các yếu tố như nhận thức, chính sách, điều kiện hạ tầng và năng lực của các chủ thể có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả quản lí.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất một hệ thống biện pháp quản lí nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học. Việc triển khai đồng bộ các biện pháp này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2014). *Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 01/07/2014 về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024): *Công văn số 4324/BGDĐT-CNTT ngày 14/08/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục học năm học 2024-2025*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Kế hoạch 345/KH-BGDĐT ngày 23/05/2017 thực hiện Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.*
- Hasin, I., & Nasir, M. K. M. (2021). The effectiveness of the use of Information and Communication Technology (ICT) in rural secondary schools in Malaysia. *Journal of Education and e-Learning Research*, 8(1), 59-64. <https://doi.org/10.20448/journal.509.2021.81.59.64>
- Lê, T. N. M. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 223-231. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1421>.
- Nguyễn, H. H., & Lê, T. H. V. (2023). Biện pháp quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các trường trung học phổ thông thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La trong bối cảnh đổi mới giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*, 23(12), 47-52.
- Nguyễn, T. V., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 110-123. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1361>.
- Nguyễn, V. Đ., & Lâm, T. H. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), 109-121. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2024.1451>.
- Trần, K. T., & Đào, H. N. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), 207-217. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2024.1460>.
- Trần, M. T. (2021). *Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các trường trung học cơ sở tỉnh Hải Dương hiện nay.* Luận án Tiến sĩ, Học viện Quản lý Giáo dục.
- Zheng, W. (2023). An innovative exploration of the integration of Information Technology and education teaching content. *Contemporary Education and Teaching Research*, 4(9), 455-460. <https://doi.org/10.61360/BoniCETR23201488090>